TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 623/2020/HC-PT
Ngày 13 – 10 – 2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Phạm Văn Công

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Kim Đoạn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 234/2020/TLPT-HC ngày 11 tháng 3 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 32/2019/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3583/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1963, *(có mặt);*

2. Bà Nguyễn Thị Phong B, sinh năm 1957, *(có mặt);*

Cùng địa chỉ: Số 197/28, Tổ 19, Khu vực B, phường L, quận B, Thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B: Ông Nguyễn Văn Hóa - Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Hóa, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ; *(có mặt).*

- *Người bị kiện*:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ, *(xin vắng mặt)*.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ, *(xin vắng mặt)*.

Địa chỉ: Số 02, Đường H, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ: Ông Nguyễn Chí Kiên – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh phố Cần Thơ; địa chỉ: Số 56/8, đường L, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ; *(có mặt)*.

3. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Cần Thơ, *(xin vắng mặt)*.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Cần Thơ, *(xin vắng mặt)*.

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B: Bà Nguyễn Kim P – Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận B, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ: 27/3 đường T, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ; *(có mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 365 đường V, Khóm 4, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; *(vắng mặt)*.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 197/28, Tổ 19, Khu vực B, phường L, quận B, Thành phố Cần Thơ; *(vắng mặt)*.

3. Ông Lê Triều T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 150 B1 đường T, phường C, quận N, Thành phố Cần Thơ; *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà B và ông T (được ủy quyền theo các Giấy ủy quyền ngày 20/11/2019 và ngày 21/11/2019): Bà Nguyễn Thị Phong B, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 197/28, Tổ 19, Khu vực B, phường L, quận B, Thành phố Cần Thơ; *(có mặt).*

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B trình bày và yêu cầu Tòa án*

giải quyết như sau:

Gia đình bà Đặng Thị Hiệp có các phần đất bị thu hồi để thực hiện dự án như sau: Phần đất xây dựng Trại tạm giam Long Tuyền của Công an Thành phố Cần Thơ 03 công đất ruộng; phần ảnh hưởng dự án xây dựng Trụ sở làm việc của Công an quận B, Đội Phòng cháy chữa cháy; Nhà tạm giữ của Công an quận B.

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2017 và đơn ngày 14/3/2017, bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2889/QĐUBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) quận B và Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại. Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2017, bà B yêu cầu Tòa án xem xét bồi thường diện tích đất trong quy hoạch; đất ngoài quy hoạch xin được cất nhà ở; yêu cầu nâng giá đất bị thu hồi ngày 01/4/2015; bồi thường hỗ trợ đo đạc, tài sản khi cưỡng chế tháo dỡ vật kiến trúc khi giao mặt bằng; hỗ trợ bồi thường 03 công đất ruộng xây dựng Trại giam Long Tuyền do Công an tỉnh Cần Thơ lấy đất năm 1995. Căn cứ yêu cầu hủy: Quyết định số 1164/QĐ-UBND và Quyết định số 3351/QĐ-UBND của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, tính theo đơn giá năm 2007 là chưa đúng. Diện tích đất thu hồi và bồi thường không đúng diện tích thực tế bị thu hồi. Diện tích đo đạc thực tế trước giải tỏa là 2.237,8m^2, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) là 2.067m^2; diện tích bồi thường là 2.041,8m^2; bồi thường thiếu 25,2m^2 đất trong giấy và 170,8m^2 đất nằm ngoài GCNQSDĐ.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/12/2018, bà Nguyễn Thị Phong B yêu cầu phải bồi thường 03 công đất ruộng đã lấy năm 1995 để làm Trại giam Long Tuyền. Nguồn gốc 05 công đất ruộng chính quyền cách mạng lấy đất của địa chủ Võ Văn Ôn cấp lại cho gia đình bà Đặng Thị Hiệp năm 1959, có xác nhận của UBND xã Long Tuyền ngày 13/7/1990. Năm 1975, Công an tỉnh Hậu Giang (cũ) lấy 02 công đất ruộng khu vực Tập đoàn II, ấp Bình Dương B, xã Long Tuyền có bồi hoàn thành quả lao động ngày 01/9/1989, còn lại 03 công đất ruộng phía ngoài vành đai nối tiếp phía sau Trại giam Long Tuyền gia đình bà Hiệp trồng lúa đến năm 1995 (có biên lai đóng thuế) nhưng Công an tự lấy thêm mà không bồi thường. Bà G có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND quận B ban hành Công văn số 1223/UBND-TD ngày 20/6/2013 và Công văn số 1856/UBND-TD ngày 22/8/2016 cho rằng yêu cầu khiếu nại của bà G không đủ điều kiện thụ lý và không có cơ sở xem xét, là không đúng.

Ngày 22/5/2019, bà Nguyễn Thị Phong B có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu UBND quận B bồi thường thiệt hại giá trị còn lại của căn nhà, vật kiến trúc, vật dụng trên đất và các cây trồng là 145.775.000 đồng. Ngày 10/9/2019, bà B có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện này.

- Bà Nguyễn Thị G thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phong B.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có ý kiến như sau:

+ Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 27/9/2016:

Tại Công văn số 2970/UBND-NCPC ngày 31/10/2017, Chủ tịch UBND quận B cho rằng Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và nội dung phù hợp với quy định pháp luật.

+ Đối với yêu cầu bồi thường 03 công đất ruộng (khoảng 2.500m^2) mà Công an tỉnh Hậu Giang lấy để xây dựng Trại giam Long Tuyền thì thấy rằng:

Phần đất này đã được bồi thường thành quả lao động năm 1990. Mặt khác, căn cứ vào khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai 2003, nay là khoản 2 Điều 26 Luật Đất đai 2013 quy định: *"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam"*. Do đó, đối với yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Phong B là không có cơ sở chấp nhận.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ có ý kiến như sau:

Tại Công văn số 4457/UBND-NC ngày 16/11/2017, Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ cho rằng người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 về việc giải quyết khiếu nại là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G.

Đối với yêu cầu bồi thường 03 công đất ruộng, UBND Thành phố Cần Thơ có ý kiến như sau: Ngày 20/6/1978, UBND tỉnh Hậu Giang (cũ) ban hành Quyết định số 641/QĐ.UBT.78 có nội dung: "*Võ An Ban (cha Võ Văn Ôn) địa chủ dựa vào thế lực của ngụy quyền chiếm hữu diện tích ruộng đất bán cho Mỹ, sau chiếm lại phát canh thu tô đến ngày giải phóng*". Ngày 23/9/1979, UBND tỉnh Hậu Giang (cũ) ban hành Quyết định số 810/QĐ.UBT79 có nội dung: *"Tạm*

cấp khu đất có diện tích bảy chục ngàn (70.000) mét vuông tọa lạc tại ấp Bình Dương B, xã Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ của ông Võ Văn Ôn (chết) đã có quyết định tịch thu, hiện do Nhà nước quản lý cho Ty Công an Hậu Giang để xây dựng Trại tạm giam và sản xuất. Phần đất Trại giam Long Tuyền đã được Nhà nước tịch thu của địa chủ Võ An Ban (cha Võ Văn Ôn) từ năm 1978 và đưa vào sử dụng từ đó đến nay". Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Phong B cho rằng: "Nguồn gốc đất của gia đình bà Đặng Thị Hiệp cùng chồng tạo lập gồm: 05 công đất ruộng và 02 công đất vườn. Gia đình sử dụng đến năm 1979 thì Công an tỉnh Hậu Giang (cũ) lấy 02 công đất ruộng để xây dựng trại giam (nay là Trại giam Long Tuyền) trên tinh thần gia đình hiến đất và Nhà nước có bồi thường hoa màu có trên đất. Năm 1985, Nhà nước tiếp tục trưng dụng 03 công đất ruộng để mở rộng Trại giam, không được bồi hoàn, hỗ trợ nhưng gia đình không có phản ánh hoặc khiếu nại gì. Phần 02 công đất vườn còn lại gia đình bà Đặng Thị Hiệp được Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01762/QSDĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 với diện tích 2.067m^2, gồm: Thửa 280 diện tích 1.871m^2 (LNK) và thửa 290 diện tích 196m^2 (LNK), tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Bình Dương B, xã Long Tuyền, thành phố Cần Thơ (cũ), nay là Khu vực B, phường L, quận B, Thành phố Cần Thơ. Từ diễn biến nêu trên, đối chiếu với quy định của pháp luật về đất đai qua từng thời kỳ và các chính sách pháp luật khác có liên quan, nhận thấy: Gốc đất làm Trại tạm giam Long Tuyền đã được Nhà nước tịch thu của địa chủ Võ An Ban (cha Võ Văn Ôn) từ năm 1978. Trong trường hợp, đối với các hộ dân đang sử dụng đất tại thời điểm năm 1985, nếu có đất bị ảnh hưởng bởi công trình Trại tạm giam Long Tuyền thì Nhà nước chỉ bồi hoàn vật kiến trúc, hoa màu đang canh tác hiện có trên mặt đất. Tại thời điểm, phần đất gia đình bà B và bà G bị ảnh hưởng tổng cộng là 05 công đất ruộng nhưng không có phản ánh hoặc khiếu nại gì về nội dung này. Vì vậy, UBND và Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xem xét nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, thời điểm thực hiện công trình dự án, chính sách đất đai từng thời điểm và thời hiệu khởi kiện, xem xét xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền và nghĩa vụ có liên quan:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Nguyễn Thị B, ông Lê Triều T đã có Văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Phong B tham gia tố tụng tại Tòa án và toàn quyền quyết định các vấn đề khác trong vụ kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 32/2019/HC-ST ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày

27/9/2016 của Chủ tịch UBND quận B, yêu cầu huỷ Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ và yêu cầu UBND phải bồi thường 03 công đất ruộng đã lấy năm 1995 để làm Trại giam Long Tuyền.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/12/2019, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số: 32/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ với lý do Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi hiện của bà B và bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ và hủy Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND quận B, là không thỏa đáng, không phù hợp với các quy định pháp luật, nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B và bà G.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số: 32/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B và bà Nguyễn Thị G.

Người bị kiện UBND quận B, Chủ tịnh UBND quận B, UBND Thành phố Cần Thơ và Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo bà Nguyễn Thị Phong B trình bày:

Quá trình thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường đối với diện tích đất thu hồi của gia đình bà Nguyễn Thị Phong B được UBND quận B phê duyệt nhiều lần, gia đình bà B không biết được số tiền cụ thể, gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình khiếu nại, khởi kiện. Thực tế hiện nay, gia đình bà B vẫn chưa nhận được số tiền 12.523.500 đồng được phê duyệt bổ sung theo Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND quận B. Qua đó thấy rằng, việc không nhận tiền không phải do lỗi của gia đình bà B, mà là do UBND quận B thực hiện việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường không đúng quy định pháp luật đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình bà B. Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND quận B và Quyết định số

163/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ, là không đúng căn cứ theo quy định của pháp luật.

Đối với 03 công đất ruộng bị lấy để mở rộng Trại giam vào năm 1995 là nằm trong 05 công đất có nguồn gốc của gia đình bà Đặng Thị Hiệp tạo lập. Năm 1979, Công an tỉnh Hậu Giang khi đó đã lấy 02 công để xây dựng Trại giam có bồi thường hoa màu, còn lại 03 công đến năm 1995 tiếp tục lấy để mở rộng Trại giam nhưng không bồi thường là không đúng quy định về đất đai. Do đó, gia đình bà B yêu cầu được bồi thường đối với 03 công đất này là có cơ sở.

Theo đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phong B sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận tòan bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, đúng quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị Phong B kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Thực tế hiện nay, gia đình bà B chưa nhận số tiền 12.523.500 đồng (trong đó, kinh phí thuê nhà tạm cư cho 07 nhân khẩu trong 3 tháng là 700.000đồng/hộ/tháng x 3 tháng = 2.100.000 đồng, kinh phí bồi thường diện tích đất thu hồi được điều chỉnh bổ sung 25,20m^2 và tiền khen thưởng với số tiền là 10.423.500 đồng) được phê duyệt bổ sung theo Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND quận B. Do đó, đề nghị gia đình bà B liên hệ với Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận B, Thành phố Cần Thơ, để nhận theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B:

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND quận B, yêu cầu huỷ Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 20/01/2017

của Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ và yêu cầu UBND phải bồi thường 03 công đất ruộng đã lấy năm 1995 để làm Trại giam Long Tuyền. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà B và bà G là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện UBND quận B, Chủ tịnh UBND quận B, UBND Thành phố Cần Thơ và Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng Hành chính:

[1] *Về tố tụng:*

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

[2] *Về nội dung:*

Thực hiện công trình xây dựng Trụ sở làm việc (Công an quận), Đội Phòng cháy chữa cháy, Nhà tạm giữ thuộc Công an quận B, hộ bà Đặng Thị Hiệp (nay đã chết) có đất bị ảnh hưởng dự án (thu hồi theo Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 26/6/2007; Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 26/6/2007 và Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND quận B) với tổng diện tích là 2.067m^2 (CLN+T) và nhà, vật kiến trúc trên đất. Quá trình thực hiện dự án đã xem xét bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Hiệp về đất, nhà vật kiến trúc, hoa màu, hỗ trợ và khen thưởng (theo Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 24/9/2007; Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 và theo Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của UBND quận B) với số tiền là 910.886.400 đồng và phê duyệt bổ sung theo Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND quận B với số tiền là 12.523.500 đồng. Như vậy, tổng số tiền là: 910. 886. 400 đồng + 12.523.500 đồng = 923.409.900 đồng.

Bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G (đại diện ủy quyền cho các con của bà Đặng Thị Hiệp) có đơn khiếu nại với nội dung: Yêu cầu bồi thường đất theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND quận B về

việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đặng Thị Hiệp với tổng diện tích đất 2.237,8m^2; bồi thường phần đất nằm ngoài công trình theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi (năm 2015) và yêu cầu được xây dựng nhà ở trên phần đất ngoài quy hoạch; yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư từ 06 đến 12 tháng; yêu cầu cấp kinh phí đào tạo nghề cho 08 nhân khẩu; yêu cầu miễn các khoản nộp khi nhận 02 nền đất tái định cư; yêu cầu hỗ trợ lãi suất ngân hàng đối với phần chi phí bồi thường chậm chi trả từ năm 2007 đến nay với số tiền 782.072.000 đồng; yêu cầu hỗ trợ các hạng mục trên phần đất thu hồi nhưng không được tính trong phương án bồi thường, khi cưỡng chế không lập biên bản.

Ngày 17/9/2016, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 2889/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung bác toàn bộ đơn khiếu của bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G (đại diện ủy quyền cho các con của bà Đặng Thị Hiệp) (gọi tắt là Quyết định số 2889/QĐ-UBND).

Ngày 10/10/2016, bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 2889/QĐUBND ngày 17/9/2016 của Chủ tịch UBND quận B. Ngày 20/01/2017, Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định 2889/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định số 163/QĐ-UBND).

Bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 02 Quyết định số 2889/QĐ-UBND và hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND.

[2.1] *Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2889/QĐ-UBND và Quyết định số 163/QĐ-UBND.*

[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 2889/QĐ-UBND và Quyết định số 163/QĐ-UBND.

+ Quyết định 2889/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND quận B ban hành đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại 2011; đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 27, 31 Luật Khiếu nại 2011. Tuy nhiên, việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là quá thời hạn quy định tại Điều 30 Luật Khiếu nại nên cần rút kinh nghiệm.

+ Quyết định 163/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ ban hành đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại 2011; đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 36, 39, 40 Luật Khiếu nại 2011. Tuy nhiên, việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là quá thời hạn quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại nên cần rút kinh nghiệm.

[2.1.2] Về căn cứ ban hành Quyết định số 2889/QĐ-UBND và Quyết định số 163/QĐ-UBND giải quyết các yêu cầu khiếu nại của bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G (đại diện ủy quyền từ cho các con của bà Đặng Thị Hiệp, sau đây gọi tắt là gia đình bà Nguyễn Thị Phong B hay gia đình bà B):

[2.1.2a] *Đối với yêu cầu bồi thường đủ diện tích đất 2.237,8 m^2 được nêu tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND quận B.*

Theo hồ sơ thể hiện: Mặc dù, tại Điều 1 của Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đặng Thị Hiệp (nay đã chết, các con bà Hiệp đang quản lý sử dụng) có nêu: Cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 26/6/2007, Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 26/6/2007 và Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của UBND quận B, diện tích đất 2.237,8m^2. Tuy nhiên, diện tích đất 2.237,8m^2 là không đúng thực tế, do tính toán có sai sót, nên UBND quận B đã ban hành Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 để thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014.

Quá trình lập hồ sơ bồi thường, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án tiến hành kiểm kê, đo đạc thực tế và ban hành Quyết định thu hồi đất của gia đình bà B với tổng diện tích là 2.067m^2 (CLN+T), cụ thể: Thu hồi theo Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 26/6/2007 diện tích đất 1.530,3m^2, thu hồi theo Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 26/6/2007 diện tích đất 315,5m^2 và thu hồi theo Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 (điều chỉnh Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 19/3/2013) diện tích là 221,2m^2.

Qua đối chiếu số liệu diện tích đất đã phê duyệt bồi thường cho gia đình bà B đã đủ so với diện tích đất đã thu hồi là 2.067m^2 (CLN+T), cụ thể: Bồi thường theo Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 và Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 là 1.845,8m^2, bồi thường theo Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 là 196m^2 và bồi thường theo Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 là 25,2m^2 (theo đó, tổng diện tích đất đã thu hồi là 1.530,3m^2 + 315,5m^2 + 196m^2 + 25,2m^2 = 2.067m^2). Do đó, bà Nguyễn Thị Phong B kháng cáo yêu cầu được bồi thường đủ diện tích đất 2.237,8 m^2 được nêu tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND quận B, là không có cơ sở.

[2.1.2b] *Đối với yêu cầu hỗ trợ thuê nhà tạm cư từ 06 tháng đến 12 tháng với số tiền 56.000.000 đồng.*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 27 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, tại khoản 3 Điều 27 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi

Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Cần Thơ được ban hành kèm theo Quyết định số 53/2005/QĐ-UB ngày 11/8/2005 của UBND Thành phố Cần Thơ, quy định: *"Người bị thu hồi đất ở, mức hỗ trợ đối với hộ có nhân khẩu từ 7-8 người là 700.000 đồng/hộ/tháng. Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà đến khi được bố trí giao nền tại khu tái định cư"*. Trường hợp gia đình bà B đã được Cơ quan có thẩm quyền bàn giao nền tái định cư tại thực địa vào năm 2012, đến tháng 5 năm 2015 thì gia đình bà B (các con bà Hiệp) mới thống nhất bàn giao mặt bằng cho dự án. Trên cơ sở áp dụng quy định trên, UBND quận B đã phê duyệt tiền thuê nhà tạm cư là 03 tháng trong thời gian xây dựng nhà, cụ thể: *Hộ có nhân khẩu từ 7-8 người là 700.000 đồng/hộ/tháng x 3 tháng = 2.100.000 đồng,* là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Do đó, bà Nguyễn Thị Phong B kháng cáo yêu cầu hỗ trợ tiền tạm cư từ 6 tháng đến 12 tháng với số tiền 56.000.000 đồng, là không có cơ sở.

[2.1.2c] *Đối với yêu cầu được miễn các khoản phí phải nộp khi nhận 02 nền tái định cư.*

Gia đình bà B được giao 02 nền tái định cư, gồm: Bố trí 01 nền tại chợ Miễu Ông với diện tích 72,6m^2, số tiền phải nộp là 108.900.000 đồng, trong đó: Nhà nước hỗ trợ 35.670.000 đồng, hộ dân phải nộp 73.230.000 đồng; cùng với 01 nền tại Khu dân cư Ngân Thuận với diện tích 84m^2, số tiền phải nộp là 193.200.000 đồng, trong đó: Nhà nước hỗ trợ 37.800.000 đồng, hộ dân phải nộp 155.400.000 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, tại điểm 2.3 Mục 2 Điều 37 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Cần Thơ được ban hành kèm theo Quyết định số 53/2005/QĐ-UB ngày 11/8/2005 của UBND Thành phố Cần Thơ đã quy định: *Nghĩa vụ của người bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở là nộp tiền mua nhà ở hoặc tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật*. Do đó, bà Nguyễn Thị Phong B kháng cáo yêu cầu được hỗ trợ 100% các khoản phí khi nhận nền tái định cư là không có cơ sở.

[2.1.2d] *Đối với yêu cầu cấp kinh phí đào tạo nghề cho 08 nhân khẩu.*

Tại Biên bản kiểm kê ngày 10/5/2005 đã thể hiện số lượng nhân khẩu là 01 nhân khẩu, nên UBND quận B ban hành Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ; trong đó, có phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho 01 nhân khẩu. Tuy nhiên, đến năm 2011, qua rà soát lại hồ sơ thì số nhân khẩu trong độ tuổi lao động trong gia đình bà B là 06 nhân khẩu. Theo đó, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 468/QĐ-UBND

ngày 28/01/2001 về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà B; trong đó, có phê duyệt bổ sung kinh phí đào tạo nghề cho 05 nhân khẩu.

Như vậy, tổng số nhân khẩu trong độ tuổi lao động của gia đình bà B là 06 nhân khẩu đã được phê duyệt đủ theo đúng quy định tại Điều 29 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tại Điều 29 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Cần Thơ được ban hành kèm theo Quyết định số 53/2005/QĐ-UB ngày 11/8/2005 của UBND Thành phố Cần Thơ. Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phong B về phần này cũng không có cơ sở.

[2.1.2đ] *Đối với yêu cầu bồi thường diện tích ngoài quy hoạch theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi năm 2015 và xin cất nhà trên diện tích nằm ngoài quy hoạch.*

Tại Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 19/3/2013, UBND quận B thu hồi của gia đình bà B diện tích đất 196,0m^2 CLN, thửa 290, là phần đất thuộc phạm vi ngoài dự án *(thu hồi theo yêu cầu của gia đình bà B)*. Tuy nhiên, do chênh lệch diện tích so với GCNQSDĐ nên UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 *(điều chỉnh diện tích đất thu hồi của Quyết định 796 từ 196,0m^2 CLN thành 221,20m^2 CLN, tăng thêm 25,2m^2)*.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Phụ lục III của Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND Thành phố Cần Thơ quy định về mức giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Cần Thơ năm 2013, giá đất trồng cây lâu năm tại quận B thì vị trí 1 là 162.000 đồng, vị trí 2 là 135.000 đồng. Và giá đất trồng cây lâu năm tại quận B được quy định tại Phụ lục III của Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND Thành phố Cần Thơ giai đoạn năm 2015-2019, thì vị trí 1 là 180.000 đồng, vị trí 2 là 150.000 đồng. Giá đất được Hội đồng thẩm định quận B đề nghị tại Tờ trình số 29/TTr.HĐTĐ ngày 31/7/2007 và Công văn số 1052/UBND-XDCB ngày 06/8/2007 của Chủ tịch UBND quận B thống nhất phê duyệt kinh phí bồi thường cho gia đình bà B là 405.000 đồng, tương ứng với giá đất nông nghiệp (vườn) xen kẽ khu dân cư, gấp gần 04 lần hạn mức đất trồng cây lâu năm vào năm 2007, hơn 02 lần đối với giá đất trong năm 2013 và năm 2015. Theo đó, UBND quận B ban hành Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 và Quyết định 3351/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 phê duyệt kinh phí bồi thường theo giá đất quy định tại Công văn số 1052/UBND-XDCB ngày 06/8/2007 là có lợi cho gia đình bà B theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu xây dựng nhà trên diện tích đất ngoài quy hoạch thì Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 bác đơn yêu cầu này. Bà Nguyễn Thị G đã nhận được và biết được quyết định này vào ngày 13/7/2013. Quyết định số 2889/QĐ-UBND chỉ dẫn chiếu nội dung giải quyết yêu cầu này của bà B mà không phải là nội dung giải quyết khiếu nại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G có quyền khởi kiện vụ án khác để xem xét đối với Quyết định số 3720/QĐ-UBND nếu còn thời hiệu khởi kiện.

Do đó, bà Nguyễn Thị Phong B kháng cáo yêu cầu bồi thường diện tích ngoài quy hoạch theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi năm 2015 và xin cất nhà trên diện tích nằm ngoài quy hoạch, là không có cơ sở.

[2.1.2e] *Đối với yêu cầu hỗ trợ tính lãi suất ngân hàng đối với phần chi phí bồi thường chậm chi trả từ năm 2007.*

Hồ sơ vụ án thể hiện: Trung tâm Phát triển quỹ đất quận B ban hành các Thông báo yêu cầu gia đình bà B nhận tiền bồi thường như sau:

Thông báo số 28/TB-GPMB ngày 29/11/2006 và Thông báo số 33/TB-GPMB ngày 19/12/2006 yêu cầu nhận số tiền 363.700.500 đồng theo Quyết định số 2289/QĐ-UBND.

Thông báo số 12/TB-GPMB ngày 02/7/2007 yêu cầu nhận số tiền 654.052.000 đồng theo Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 29/5/2007; Thông báo số 22/TB-GPMB ngày 09/10/2007 yêu cầu nhận số tiền 782.072.000 đồng theo Quyết định 1689/QĐ-UBND ngày 24/9/2007; ngày 25/8/2008 và ngày 03/6/2009 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B lập biên bản vận động bà Đặng Thị Hiệp nhận tiền bồi thường nhưng bà Hiệp cho rằng khi nào bà khỏi bệnh sẽ nhận tiền và giao mặt bằng; ngày 27/12/2011, đoàn tiếp tục vận động gia đình bà Hiệp nhận tiền có bà Nguyễn Thị G ký tên; ngày 17/5/2013, các con của bà Hiệp đồng ý nhận tiền bồi thường. Ngày 08/5/2015, bà Nguyễn Thị G đại diện gia đình nhận số tiền 910.886.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (BL 67, 323 đến 333). Qua đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, việc người khởi kiện chậm nhận tiền là do chưa đồng ý với chính sách bồi thường và còn khiếu nại, mà không phải do Cơ quan có thẩm quyền không thực hiện việc chi trả tiền bồi thường nên không có cơ sở hỗ trợ tính lãi theo lãi suất ngân hàng đối với số tiền 782.072.000 đồng cho gia đình bà Nguyễn Thị Phong B, là có căn cứ.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị Phong B kháng cáo yêu cầu hỗ trợ tính lãi suất ngân hàng đối với phần chi phí bồi thường chậm chi trả từ năm 2007, là không có cơ sở.

[2.1.2g] *Đối với yêu cầu hỗ trợ các hạng mục trên phần đất thu hồi gồm: Cái miếu, chuồng gà, sân gạch, mái che nhà phía sau, nhà tắm, cây kiểng, trị giá hơn 30 triệu nhưng không được tính trong phương án bồi thường, khi cưỡng chế không lập biên bản:*

Để thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 106/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của Chủ tịch UBND quận B, ngày 01/4/2015 đoàn cưỡng chế đã lập Biên bản vận động cưỡng chế đối với phần đất đã thu hồi của gia đình bà Nguyễn Thị Phong B, trong đó có bà B, bà Bé, bà Tư, ông Thắng và bà G. Cùng ngày, bà B và bà G có đơn yêu cầu gửi đoàn cưỡng chế: *"...tôi chấp hành bàn giao mặt bằng và yêu cầu ban cưỡng chế hỗ trợ gia đình di dời tài sản...yêu cầu đoàn cưỡng chế tháo dỡ công trình nhà, phát quang hoa màu trên diện tích đất bị thu hồi... Tài sản di dời gia đình chúng tôi tự quản lý" (BL 201).* Theo đó, đoàn cưỡng chế không thực hiện thủ tục cưỡng chế, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, đoàn cưỡng chế và UBND xã nơi có đất bị thu hồi không có nghĩa vụ quản lý tài sản của gia đình bà B là đúng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 71 Luật Đất đai 2013 và khoản 1 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Trường hợp gia đình bà B có căn cứ cho rằng các hạng mục nêu trên Ban bồi thường không kiểm kê trong phương án bồi thường thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

Vì vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phong B về phần này cũng là không có cơ sở.

[3] Đối với yêu cầu bồi thường 03 công đất ruộng bị lấy năm 1995.

[3.1] Tại Quyết định số 461/QĐ-UBT.79 ngày 20/6/1978, UBND tỉnh Hậu Giang (cũ) đã thu hồi diện tích chung 30ha 16-50 đất tọa lạc tại ấp Bình Dương "B", xã Long Tuyền, thành phố Cần Thơ (cũ) có nguồn gốc là của địa chủ Võ An Ban (cha Võ Văn Ôn). Ngày 25/9/1979, UBND tỉnh Hậu Giang (cũ) ban hành Quyết định số 810/QĐ-UBT.79, tại Điều 1 của quyết định này thể hiện: *"Tạm cấp khu đất có diện tích 70.000m^2 toạ lạc tại ấp Bình Dương B, xã Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ của ông Võ Văn Ôn (chết) đã có quyết định thu hồi, hiện do Nhà nước quản lý cho Ty Công an Hậu Giang để xây dựng trại tạm giam và sản xuất".*

[3.2] Mặc dù, gia đình bà B cho rằng: Phần đất 05 công đất ruộng và 2 công đất vườn tại khu vực Tập đoàn II ấp Bình Dương B là của gia đình được Chính quyền cách mạng cấp cho sử dụng từ năm 1959 đến năm 1979 thì Công an tỉnh Hậu Giang lấy 2,5 công đất ruộng để xây dựng trại tạm giam và có bồi thường hoa màu trên đất vào năm 1990; đến năm 1995, tiếp tục trưng dụng thêm

03 công đất ruộng của gia đình nhưng không được bồi hoàn nên gia đình mới làm đơn khiếu nại. Tuy nhiên, trong quá trình khiếu nại và khởi kiện, gia đình bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đủ để chứng minh về việc 03 công đất ruộng bị thu hồi năm 1995. Các biên lai đóng thuế các năm 1985, 1986 không thể hiện đã đóng thuế cho diện tích bao nhiêu và thửa đất nào.

[3.3] Trong khi đó, tại Công văn số 1223, Công văn số 1856 của Chủ tịch UBND quận B và Công văn 3078/UBND-NC ngày 07/10/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ đều xác định thời điểm 03 công đất ruộng bị ảnh hưởng dự án Trại giam Long Tuyền là vào năm 1985. Tại Công văn số 3080 ngày 05/11/2019 của Chủ tịch UBND quận B đã xác định: *"Căn cứ vào hồ sơ thiết lập bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Đặng Thị Hiệp và hồ sơ tài liệu chứng cứ kèm theo đơn của gia đình bà Đặng Thị Hiệp gửi Ủy ban nhân dân quận Bình Thuỷ, thể hiện công an thành phố có trưng thu 2.500m^2 của gia đình bà Hiệp và có bồi hoàn thành quả lao động theo chiết tính năm 1990 của sở xây dựng tỉnh Hậu Giang (cũ) và Sở tài chính vật giá. Ngoài ra, theo tài liệu của công an thành phố cung cấp thì không có trưng thu thêm phần đất nào của gia đình bà Đặng Thị Hiệp theo như đơn đề nghị ngày 05/7/2016"*. Do đó, có cơ sở xác định phần 03 công đất ruộng của gia đình bà B bị ảnh hưởng của dự án Trại giam Long Tuyền là vào năm 1985. Sau đó, đến ngày 15/11/1995 bà Hiệp mới được UBND Thành phố Cần Thơ cũ cấp Giấy CNQSDĐ số 01762.QSDĐ đối với diện tích đất còn lại. Theo đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai 2003 nay là khoản 2 Điều 26 Luật Đất đai 2013 quy định thì "*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam"*, nên Chủ tịch UBND quận B ban hành Văn bản số 1856 ngày 22/8/2016 khẳng định đơn yêu cầu bồi thường 03 công đất ruộng của bà B không có cơ sở xem xét và không đủ điều kiện thụ lý là đúng quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị Phong B kháng cáo yêu cầu bồi thường 03 công đất ruộng bị lấy năm 1995, là không có cơ sở.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phong B và bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND quận B, yêu cầu huỷ Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ và yêu cầu UBND phải bồi thường 03 công đất ruộng đã lấy năm 1995 để làm Trại giam Long Tuyền, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc

thẩm thống nhất với ý kiến quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo bà Nguyễn Thị Phong B tại phiên tòa phúc thẩm do không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[6] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phong B là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 32/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 30 và Điều 31 của Luật Khiếu nại 2011; Điều 4, khoản 2 Điều 9, Điều 34, khoản 2 Điều 37 Nghị định 197/2004/NĐ-CP; khoản 2 Điều 14, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP; khoản 5 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; điểm c khoản 4 Điều 71 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Phong B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của Chủ tịch UBND quận B, yêu cầu huỷ Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ và

yêu cầu Ủy ban nhân dân phải bồi thường 03 công đất ruộng đã lấy năm 1995 để làm trại giam Long Tuyền.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phong B được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 000405 ngày 11/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ; bà G đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phong B được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 13 tháng 10 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND Thành phố Cần Thơ (1);
- VKSND Thành phố Cần Thơ (1);
- Cục THADS Thành phố Cần Thơ (1);
- Đương sự (6);
- Lưu HS (1), VP (6) (19b) PTHH.

TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh